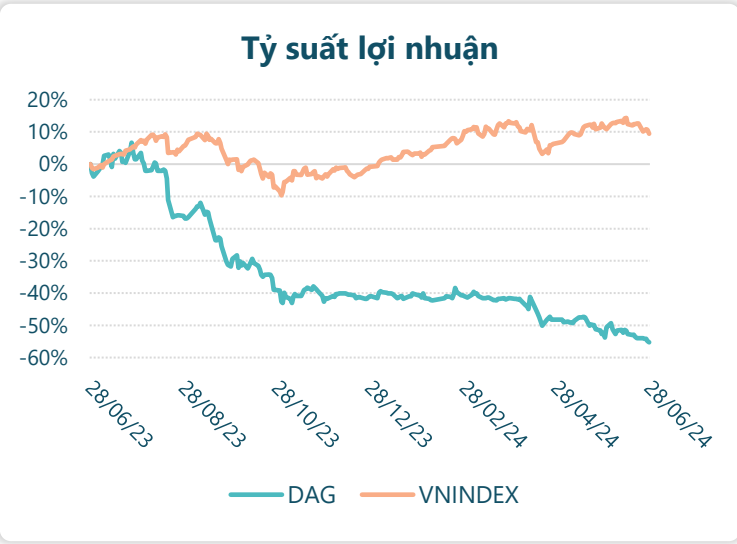


Ngày	2,420 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-11.7%	-23.4%	-23.2%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,420 - 5,770
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	146
Số lượng CPLH (CP)	60,312,128
KLGD BQ 20 phiên (CP)	198,570
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	0.60
EPS	-1,744
P/E	-1.4



Doanh thu thuần
Q2/24

25.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.30 | -17.5%

YoY: ▼375 | -93.8%

Nợ/VCSH
Q2/24

5015%

YoY: +/-▲ 4610%

LN gộp
Q2/24

-15.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.30 | -40.2%

YoY: ▲ 15.7 | 51.1%

ROE (TTM)
Q2/24

-38.3%

YoY: +/-▲ 0.9%

LN trước thuế
Q2/24

-51.6

tỷ VNĐ

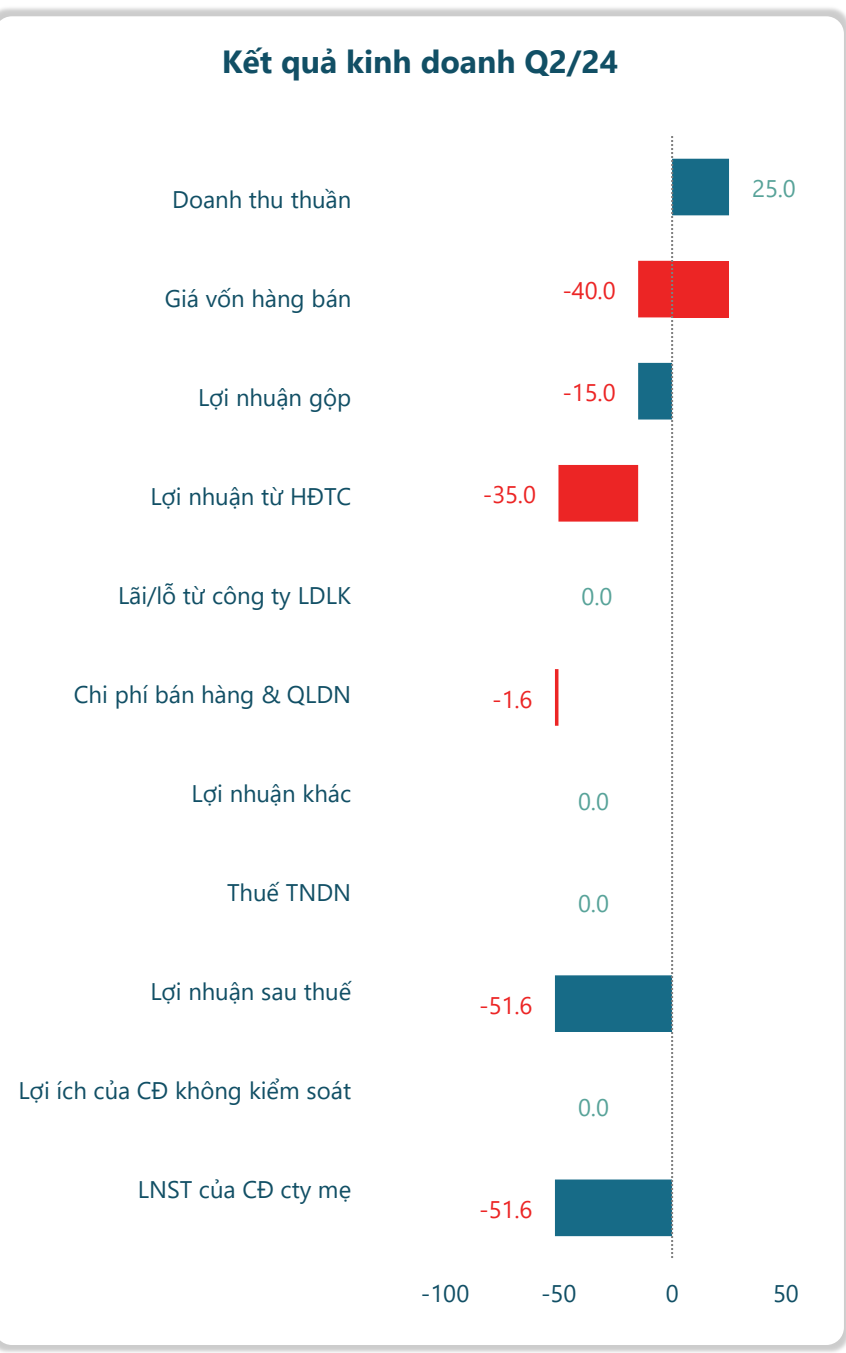
QoQ: ▼36.5 | -241%

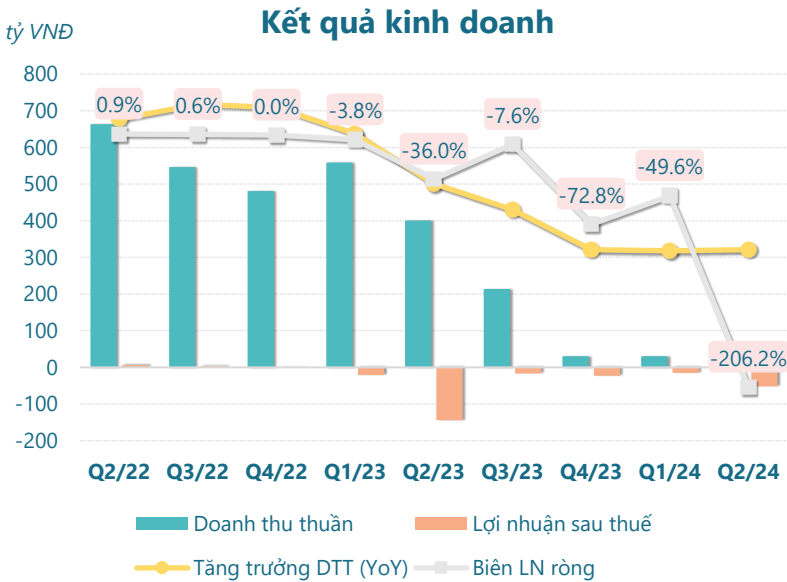
YoY: ▲ 92.4 | 64.2%

ROA (TTM)
Q2/24

-5.9%

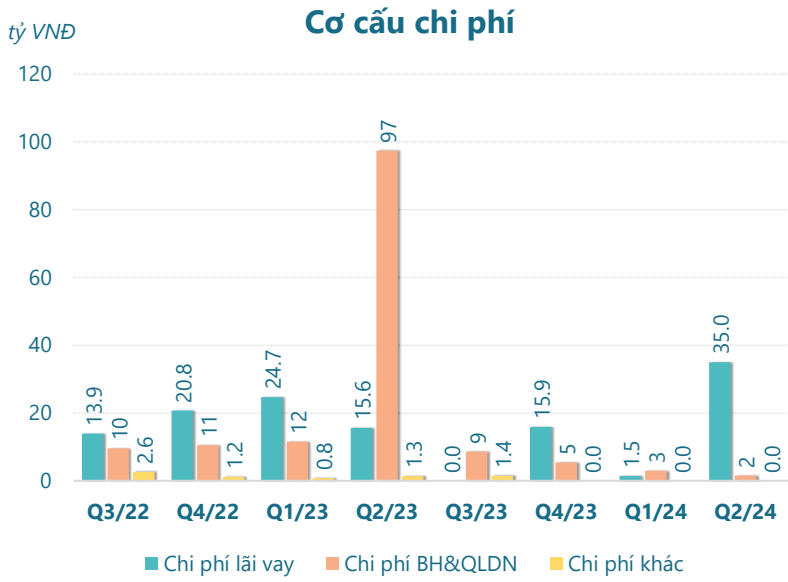
YoY: +/-▲ 3.3%





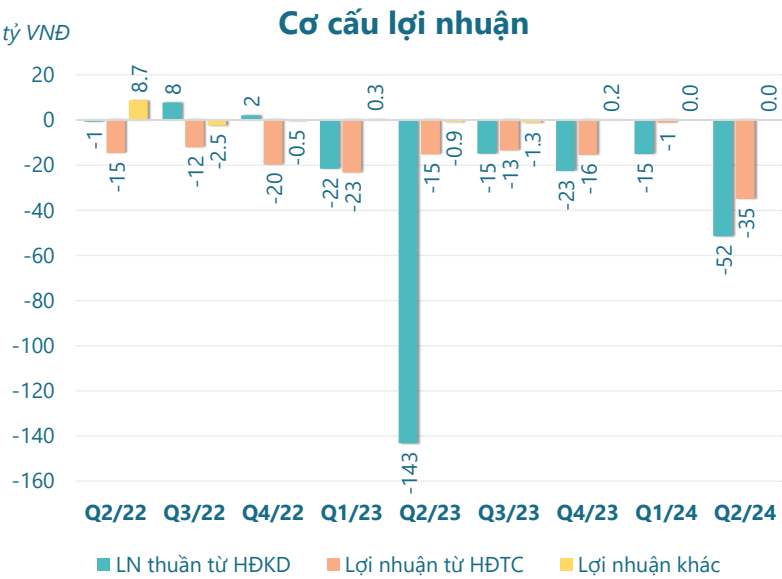
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** giảm đi 36.51 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 91.73 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 35.00 tỷ đồng** giảm đi 33.60 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 19.78 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** không đổi so với kỳ trước và tăng thêm 0.87 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **DAG** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **25.00 tỷ đồng** giảm đi **93.8%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ 51.56 tỷ đồng, tăng thêm 92.73 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **55.00 tỷ đồng** thấp hơn 94.3% so với cùng kỳ năm trước, **Lũy kế 6 tháng** đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **55.00 tỷ đồng** thấp hơn 94.3% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ -67.00 tỷ đồng** tăng thêm



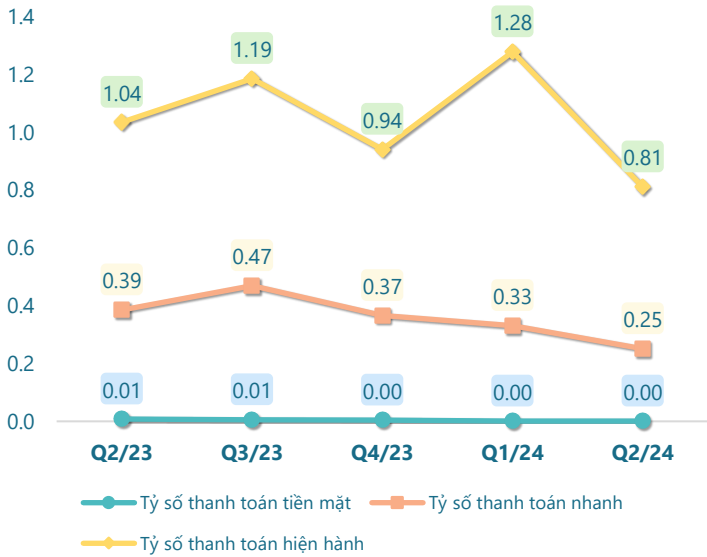
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **35.00 tỷ đồng** tăng thêm 2281% so với kỳ trước và cao hơn 125% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **1.56 tỷ đồng** giảm đi 46.6% so với kỳ trước và thấp hơn 98.4% so với cùng kỳ năm trước.

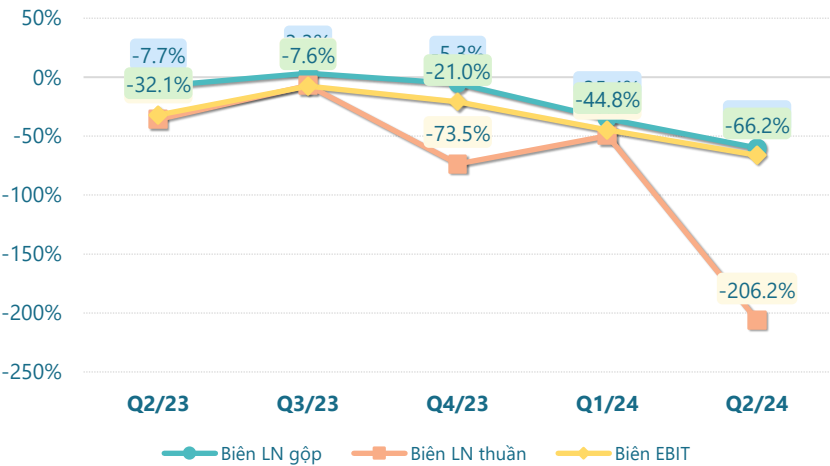
Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	25.0	30.3	-17.5%	400	-93.8%	55.3	959	-94.2%
Giá vốn hàng bán	40.0	41.1	-2.7%	431	-90.7%	81.1	977	-91.7%
Lợi nhuận gộp	-15.0	-10.7	-40.2%	-30.7	51.1%	-25.7	-17.5	-47.1%
Doanh thu HĐTC	0	0.07	-100%	1.42	-100%	0.07	2.91	-97.4%
Chi phí TC	35.0	1.47	2281%	16.6	111%	36.5	41.4	-11.9%
Chi phí lãi vay	35.0	1.47	2281%	15.6	124%	36.5	40.3	-9.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.22	-100%	2.58	-100%	0.22	5.78	-96.2%
Chi phí QLDN	1.56	2.70	-42.2%	94.8	-98.4%	4.26	103	-95.9%
LN thuần từ HĐKD	-51.6	-15.1	-241%	-143	63.9%	-66.6	-165	59.6%
Lợi nhuận khác	0	0.00		-0.87	100%	0	-0.53	100%
LN trước thuế	-51.6	-15.1	-241%	-144	64.2%	-66.6	-165	59.7%
Lợi nhuận sau thuế	-51.6	-15.1	-241%	-144	64.2%	-66.6	-166	59.8%
LNST của CĐ cty mẹ	-51.6	-15.1	-241%	-144	64.2%	-66.6	-166	59.8%

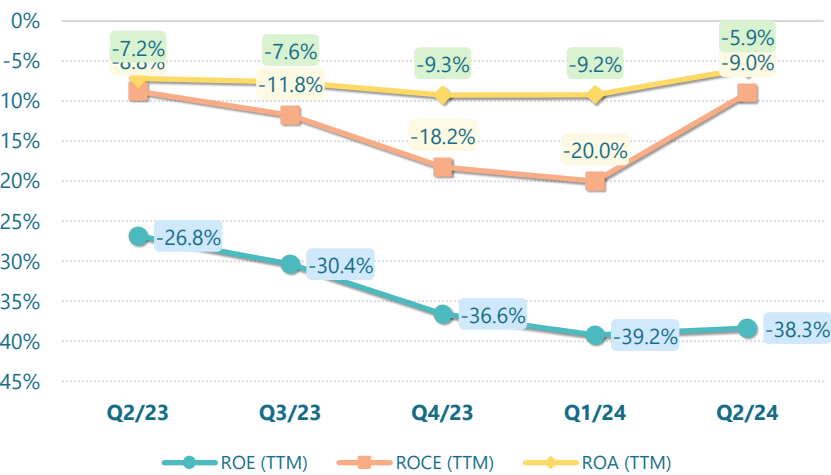
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

